

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 01 tháng 9 năm 2021, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 83/2020/TL.ST - DS ngày 03 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 9 năm 2021 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị N, sinh năm 1949;

Địa chỉ: xã C, thành phố H, tỉnh Q.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Xuân L – Luật sư Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q. Là đại diện theo ủy quyền (*Văn bản ủy quyền ngày 10/7/2020*).

- *Đồng bị đơn:*

1. Ông Trần V, sinh năm 1968;

Địa chỉ: xã C, thành phố H, tỉnh Q.

2. Bà Võ Thị T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: xã C, thành phố H, tỉnh Q.

II/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Các đương sự thừa nhận bà Phan Thị N là người thừa kế hàng thứ nhất và duy nhất của bà Lê Thị Th.

2. Các đương sự thừa nhận thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01, xã C, loại đất có ký hiệu T. Hồ sơ đăng ký theo Nghị định 64/CP của chính phủ do bà Lê Thị Th đứng tên kê khai đăng ký. Theo kết quả đo đạc thực tế diện tích thửa đất còn 478,6m² (trích đo địa chính đất ngày 28/01/2021 do chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H đo vẽ) là tài sản chung của bà Lê Thị Th và ông Trần V. Như vậy, di sản thừa kế của bà Lê Thị Th là ½ thửa đất nêu trên là 239,3m²

3. Bà Phan Thị N thống nhất giao toàn bộ kỹ phần thừa kế mà bà được

hưởng là 239,3m² diện tích đất là di sản thừa kế mà mẹ bà là bà Lê Thị Th để lại cho ông Trần V trọn quyền sở hữu, sử dụng. Ông Trần V có nghĩa vụ bồi trả cho bà Phan Thị N 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền được trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Ông Trần V trọn quyền sở hữu, sử dụng thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01, xã C, loại đất có ký hiệu T. Hồ sơ đăng ký theo Nghị định 64/CP của chính phủ do bà Lê Thị Th đứng tên kê khai đăng ký. Theo kết quả đo đạc thực tế diện tích thửa đất còn 478,6m² (trích đo địa chính đất ngày 28/01/2021 do chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H đo vẽ).

Ông V có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo trích đo địa chính đất ngày 28/01/2021 do chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H đo vẽ kèm theo Quyết định).

5. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: số tiền là 2.449.000 đồng bà Phan Thị N tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

6. Về án phí: Ông Trần V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản chung được chia và án phí đối với kỷ phần tài sản được nhận thừa kế từ bà Lê Thị Th là: $(478,6\text{m}^2 \times 15.000.000 \text{ đồng}) - 500.000.000 \text{ đồng} = 6.679.000.000 \text{ đồng}$. Như vậy, ông V phải nộp: $[112.000.000 \text{ đồng} + [0,1\%(6.679.000.000 \text{ đồng} - 4.000.000.000 \text{ đồng})]] : 2 = 57.339.500 \text{ đồng}$. (Năm mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi chín ngàn năm trăm đồng).

Bà Phan Thị N phải chịu án phí đối với số tiền được nhận 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, nhưng do bà N là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

III/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV/ Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;

THẨM PHÁN

- Các đương sự;
- Lưu HS + Ấn văn.

Nguyễn Thị Hồng Nhạn